

Bản án số 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30.01.2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ảnh
2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Ngọc Hiền T - sinh năm 2001; CCCD số 067301004977 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09 tháng 01 năm 2022; nơi cư trú: A N, phường H, thành phố Đà Nẵng, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Nguyễn Hồng C - sinh năm 1994, CCCD số 048094003446 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08 tháng 12 năm 2023; nơi ĐKNKTT: Tổ I, phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: P, nhà D, khu C Nam Cầu C, phường H, thành phố Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trịnh Ngọc Hiền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Nguyễn Hồng C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng vào năm 2019. Sau khi kết hôn, bà và ông C sống ở P, nhà D, khu C Nam Cầu C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngay sau khi kết hôn, trầm trọng nhất từ đầu năm 2025. Nguyên nhân là do ông C nhiều lần đánh đập, chửi mắng bà do không đóng góp vào thu nhập gia đình, trong khi ông C không cho bà đi làm, yêu cầu bà phải chu toàn, lo ăn uống cho gia đình. Từ 02 năm nay, mặc dù vợ chồng vẫn chung sống một nhà nhưng phần ai nấy sống. Giữa năm 2025, bà và ông C đã thống nhất ký đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, nhưng sau đó ông C không đến Tòa án để giải quyết. Từ tháng 7 năm 2025, bà và ông C đã sống ly thân. Nay, bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông C có 01 (Một) con chung là Phan Trịnh Hồng T1 - sinh ngày 29 tháng 01 năm 2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông C không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ bà và ông C.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phan Nguyễn Hồng C không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông C vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phát biểu: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần và quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Hội thẩm nhân dân đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Văn B; căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của bà H. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về tài. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ngọc Hiền T đối với ông Phan Nguyễn Hồng C; căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc ông C cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Phan Nguyễn Hồng C, nhưng tại phiên tòa ông C vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Bà Trịnh Ngọc Hiền T và ông Phan Nguyễn Hồng C đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông C không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T trình bày là do ông C đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng không có sự chia sẻ, gánh vác. Ông C đã thể hiện mong muốn đồng ý ly hôn khi ký vào đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn trước đây. Đồng thời, việc ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông C không có mong muốn đoàn tụ, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông C, xử cho bà T được ly hôn với ông C.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà T và ông C có con chung là Phan Trịnh Hồng T1 - sinh ngày 29 tháng 01 năm 2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Xét, con chung đang ở với bà T và ông C không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Con chung hiện nay còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng là đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho con chung, phù hợp với thỏa thuận ông C đã thống nhất tại Đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà T xác định bà và ông C không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông C nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trịnh Thị Hiền T2 phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Hiền T2 đối với ông Phan Nguyễn Hồng C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

** Về quan hệ hôn nhân:*

Xử: Cho bà T2 được ly hôn với ông C.

** Về quan hệ nuôi con chung:*

Xử: Giao con chung Phan Trịnh Hồng T3 H - sinh ngày 29 tháng 01 năm 2020 cho bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, buộc ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

** Về quan hệ chia tài sản:* Bà T2 xác định bà và ông C không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trịnh Ngọc Hiền T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0002877 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) ông Phan Nguyễn Hồng C phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. Khu vực 1 - Đà Nẵng;
- THADS khu vực 1 - Đà Nẵng;
- UBND. phường Hòa Cường (*Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2019*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bản biên bản

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh T4

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C1

2. Bà Nguyễn Thị Thanh B1

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Thanh T5 - sinh năm 1983, (*Có mặt*).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T6 - sinh năm 1984; (*Vắng mặt, không có lý do*).

Cùng nơi cư trú: 02 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

- ý kiến của ông Nguyễn Văn C1:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thanh T5 đối với ông Nguyễn Minh T6 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T5 được ly hôn với ông T6.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao hai con chung Nguyễn Minh K - sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Mai Quỳnh V - Sinh ngày 07 tháng 11 năm 2017 cho bà T5 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông T6 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà T5 xác định bà và ông T6 không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B1: *Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.*

- ý kiến của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thanh B1.*

* Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. *Về điều luật áp dụng*:

- ý kiến của ông Nguyễn Văn C1:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B1: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.

- ý kiến của Thêm phần - Chẩn tắc phiên tòa: Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thanh B1.

* Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí:

- ý kiến của ông Nguyễn Văn C1:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Mai Thị Thanh T5 phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0007807 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T5 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B1: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.

- ý kiến của Thêm phần - Chẩn tắc phiên tòa: Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thanh B1.

* Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

- ý kiến của ông Nguyễn Văn C1:

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trên đây là nội dung của phiên họp theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự theo yêu cầu của người thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, từ nguyên thi hành án hoặc bất cứ nơi nào thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; theo nội dung thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh B1: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn C1.

- ý kiến của Thêm phần - Chẩn tắc phiên tòa: Đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị Thanh B1.

* Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

